TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 234/2019/DS-ST
Ngày 31 tháng 12 năm 2019
Tranh chấp: Hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kiều Trang
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Ông Võ Thanh Liêm

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Tô Huyền Trang là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 31 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 399/2019/TLST-DS ngày 26 tháng 9 năm 2019 về việc: Tranh chấp hợp đồng góp vốn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 950/2019/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 12 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê H T, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường C, k, p, thành phố C, tỉnh C.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

Ông Phạm M T, sinh năm 1974 (có mặt)

Địa chỉ: Số 00, đường 0, k, p, thành phố C, tỉnh C.

Bị đơn: Chị Hồng K M, sinh năm 1984 (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Số 0, đường L, k, p, thành phố C, tỉnh C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 24/9/2019, nguyên đơn chị Lê H T trình bày:

Vào ngày 01/4/2019 chị và chị Hồng K M có ký hợp đồng góp vốn kinh doanh và phân chia lợi nhuận để mở quán cà phê "HAPPY HOUSE" tại số 0, đường T, p, thành phố C, tỉnh C. Tài sản góp vốn chung của hai bên là 300.000.000 đồng, trong đó chị M góp vốn bằng hiện vật và tiền tương đương giá trị 150.000.000 đồng, còn chị góp bằng tiền mặt 150.000.000 đồng.

Theo thỏa thuận thì lợi nhuận được phân chia theo hình thức khoán trọn gói (không theo lợi nhuận kinh doanh quán cà phê), cụ thể:

- Hai năm đầu, tính từ ngày 01/4/2019 đến ngày 31/3/2021 chị được chia 15.000.000 đồng/tháng vào ngày cuối cùng của tháng.

- Năm còn lại, tính từ ngày 01/4/2021 đến 31/3/2022 chị được chia 10.000.000 đồng/tháng vào ngày cuối của tháng.

Tuy nhiên, chị M không thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng, hiện nay quán cà phê "HAPPY HOUSE" đã được chị M thanh lý. Chị đã nhiều lần liên hệ với chị M để giải quyết vấn đề góp vốn liên quan đến số tiền của chị nhưng hai bên không thống nhất. Nay chị yêu cầu chị M phải trả lại số tiền góp vốn 150.000.000 đồng cho chị.

Tại bản tự khai và biên bản hòa giải ngày ngày 25/10/2019, bị đơn chị Hồng K M trình bày: Vào ngày 01/4/2019 chị có hợp tác làm ăn với chị Lê H T kinh doanh quán cà phê ở địa chỉ số 0, T, p, thành phố C, tỉnh C và có ký hợp đồng góp vốn kinh doanh vào ngày 01/4/2019. Nội dung theo hợp đồng đúng như phía nguyên đơn trình bày.

Sau khi hoạt động được 03 tháng và chị đã thực hiện đầy đủ các cam kết trong hợp đồng đã trả đủ số tiền lợi nhuận trong 03 tháng với tổng số tiền 45.000.000 đồng cho chị T.

Đầu tháng 8/2019 chị có thông báo cho chị T biết do sức khỏe của cha mẹ chị không tốt nên không thể tiếp tục đứng ra kinh doanh nên chị có thỏa thuận với chị T là sẽ giao quán lại cho chị T quản lý, kinh doanh và chị sẽ không yêu cầu bất cứ lợi nhuận nào. Hai bên thỏa thuận sẽ sang lại trang thiết bị trong quán và chị T sẽ nhận đủ số tiền vốn 150.000.000 đồng nếu số tiền thanh lý trang thiết bị quán bằng hoặc lớn hơn 150.000.000 đồng. Cả hai thống nhất và có đăng bài lên facebook nhưng một tháng sau vẫn không thanh lý được nên chị có bàn với chị T là sẽ thuê một căn nhà để chứa đồ chờ thanh lý. Việc thỏa thuận về việc thanh lý trang thiết bị quán khi không còn kinh doanh chỉ nhắn tin trên điện thoại, không có giấy tờ. Sau khi di dời trang thiết bị xong thì chị có thông báo cho chị T về việc thanh lý nhưng chị T không đồng ý và yêu cầu chị trả lại số tiền góp vốn 150.000.000 đồng cho chị T.

Chị xác định không có vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã cam kết, số tiền góp vốn thì đã đầu tư vào mua sắm trang thiết bị cho việc kinh doanh quán. Tuy nhiên, do hiện nay quán không còn kinh doanh nên chị đồng ý hoàn lại số vốn 150.000.000 đồng cho chị T nhưng chị yêu cầu xem xét lại công sức mà chị đã bỏ ra để kinh doanh quán vì theo hợp đồng chị T chỉ góp vốn và được nhận lợi nhuận hàng tháng, còn việc kinh doanh là do một mình công sức của chị bỏ ra. Chị xác định công sức đóng góp của chị là 30.000.000 đồng, chị yêu cầu được đối trừ khoản công sức đóng góp này vào tiền vốn, còn lại 120.000.000 đồng thì chị đồng ý trả cho chị T.

Đối với các trang thiết bị của quán, sau khi nghỉ kinh doanh thì chị đã gửi ở nhiều nơi, hiện nay khó tập trung lại nên chị không yêu cầu Tòa án định giá các trang thiết bị này. Chị và chị T thỏa thuận để thanh lý hoặc đề nghị xem xét định giá tại giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn được xác định là tranh chấp hợp đồng góp vốn, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 26 và Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn chị Hồng K M xin xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị M theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số tiền góp vốn 150.000.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất trình bày: Vào ngày 01/4/2019 chị Lê H T và chị Hồng K M có ký hợp đồng góp vốn kinh doanh quán cà phê "HAPPY HOUSE" tại số 0, đường T, p, thành phố C, tỉnh C. Tài sản góp vốn chung của hai bên là 300.000.000 đồng, trong đó chị M góp vốn bằng hiện vật và tiền tương đương giá trị 150.000.000 đồng, còn chị T góp bằng tiền mặt 150.000.000 đồng.

Chị T xác định, sau khi quán bắt đầu kinh doanh từ ngày 01/4/2019 được khoảng 04 tháng thì phía chị M không có phân chia lợi nhuận cho chị theo hợp đồng đã giao kết. Do phía chị M đã vi phạm hợp đồng nên chị khởi kiện yêu cầu chị M hoàn trả lại số tiền góp vốn ban đầu là 150.000.000 đồng, còn số tiền lợi nhuận 04 tháng thì chị không yêu cầu xem xét. Chị M cho rằng, sau khi quán hoạt động được 03 tháng thì đã trả đủ số tiền lợi nhuận trong 03 tháng với tổng số tiền 45.000.000 đồng cho chị T nhưng do hoàn cảnh gia đình khó khăn nên chị không trực tiếp đứng ra kinh doanh quán được. Chị M xác định không có vi phạm nghĩa vụ theo hợp đồng đã cam kết. Xét thấy, các đương sự không thống nhất về việc phân chia lợi nhuận và cũng không có chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tuy nhiên, việc quán không còn kinh doanh từ tháng 8/2019 đến nay là thực tế có xảy ra nên chị M đồng ý hoàn trả lại số tiền góp vốn ban đầu 150.000.000 đồng cho chị T đúng như hợp đồng đã giao kết. Xét đây là sự tự nguyện của chị M, phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét yêu cầu của chị M về việc xem xét lại công sức mà chị đã bỏ ra để kinh doanh quán với số tiền 30.000.000 đồng vì theo hợp đồng chị T chỉ góp vốn và được nhận lợi nhuận hàng tháng, còn việc kinh doanh là do một mình công sức của chị bỏ ra. Tại phiên tòa, chị T xác định trong hợp đồng thể hiện rõ là chị góp vốn bằng tiền mặt 150.000.000 đồng và nhận lợi nhuận hàng tháng, còn công sức bỏ ra và việc kinh doanh quán như thế nào là do chị M chịu trách nhiệm nên chị không đồng ý theo yêu cầu này của chị M. Do đó, yêu cầu của chị M về việc xem xét công sức đóng góp là không có cơ sở để chấp nhận.

Đối với các trang thiết bị còn lại của quán hiện nay do chị M quản lý, các đương sự thống nhất không yêu cầu Tòa án định giá các tài sản này. Chị T xác định các tài sản này là thuộc sở hữu của chị M nên không yêu cầu Tòa án xem xét.

Từ nhận định nêu trên, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lại số tiền góp vốn 150.000.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn không phải chịu án, có dự nộp nên được nhận lại. Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các Điều 26, 35, 147 và Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357 và 468 của Bộ luật dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê H T.

Buộc chị Hồng K M trả cho chị Lê H T số tiền 150.000.000 đồng *(Một trăm năm mươi triệu đồng).*

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người bị thi hành án còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự có giá ngạch:

- Chị Lê H T không phải chịu án phí. Ngày 26/9/2019 chị T có dự nộp 3.750.000 đồng theo lai số 0000819 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

- Chị Hồng K M phải chịu án phí là 7.500.000 đồng (chưa nộp).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn thư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Kiều Trang